

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Sương.

2/ Bà Phạm Thị Mộng Nguyệt.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28/01/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1979. Nơi cư trú: số 01, đường số 3A, tổ 4, thôn 5, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1974. Nơi cư trú: số 01, đường số 3A, tổ 4, thôn 5, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt đầy đủ các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2019, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn V, (có tên gọi khác là Nguyễn Trung V) tự nguyện kết hôn và bắt đầu sinh sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chung sống hạnh phúc được một thời gian thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc và nhiều lần đánh đập bà. Vợ chồng xung đột trong một thời gian dài và đã ly thân hơn 06 tháng nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm nhau. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Thanh T sinh năm 1999, Nguyễn Vĩnh L sinh năm 2002 và Nguyễn Trần Cẩm T1 sinh năm 2011. Hiện 02 con lớn đã đi làm có thu nhập và tự lo cho bản thân được. Do đó khi ly hôn bà P chỉ tranh chấp quyền nuôi con đối với cháu Cẩm T1, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi và yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Tiên đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 06/3/2019 có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông và bà P cưới nhau vào năm 1998. Trong quá trình chung sống, ông bà không hợp nhau về tính tình, không cảm thông, chia sẻ được với nhau nên thường xuyên xung đột, mâu thuẫn. Đây cũng là lần thứ ba bà P nộp đơn ly hôn ra Tòa án. Ông bà đã ly thân từ trước tết nguyên đán 2018 đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm nhau. Nay bà P đã cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Về con Cẩm Tiên thì ông V đồng ý giao cho bà P trực tiếp nuôi và đồng ý cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung, ông V không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Hôn nhân giữa bà P và ông V đã không còn hạnh phúc, ông bà đã ly thân thời gian dài nhưng vẫn

không hàn gắn được tình cảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P và tuyên bố họ không phải là vợ chồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với cháu Cẩm T1 thì đề nghị Tòa án công nhận theo thỏa thuận giữa bà P và ông V tại phiên tòa, cụ thể giao cháu Cẩm T1 cho bà P nuôi dưỡng và buộc ông V cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của bà P, ông V, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định, ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1974 và Nguyễn Trung V, sinh năm 1973 là cùng một người; bà P, ông V sống chung như vợ chồng từ năm 1998 đến nay và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; ông bà có 03 người con chung gồm: Nguyễn Thanh T sinh năm 1999, Nguyễn Vĩnh L sinh năm 2002 và Nguyễn Trần Cẩm T1 sinh năm 2011. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà P cho rằng không còn tình cảm và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông V với lý do mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân thời gian dài không hàn gắn được tình cảm. Lời khai này của bà P phù hợp với lời khai của ông V. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà P, ông V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không tồn

tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét thấy, bà P và ông V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, đến nay không đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định thì *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”* và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*, Do đó hôn nhân giữa bà P và ông V không phù hợp pháp luật, nên không được pháp luật thừa nhận. Nay bà P yêu cầu muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân, nên tuyên bố không công nhận họ là vợ chồng là đúng quy định pháp luật.

Về con chung: Xét thấy các đương sự chỉ tranh chấp quyền nuôi con đối với cháu Nguyễn Trần Cẩm T1. Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận giao cháu Cẩm T1 cho bà P trực tiếp nuôi và ông V cấp dưỡng nuôi con mức 500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Cẩm T1 đủ 18 tuổi. Xét thấy thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bà P là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn và ông V là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P. Tuyên bố: Không công nhận bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn V (còn có tên gọi khác là Nguyễn Trung V) là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con Nguyễn Trần Cẩm T1, sinh ngày 10/02/2011. Buộc ông Nguyễn Văn V phải cấp dưỡng nuôi con với định mức 500.000 đồng/tháng cho đến khi con T1 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2019. Ông V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền mà ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông V còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

3. Về án phí: Bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025104 ngày 28/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Văn V phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (08/4/2019), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

